

Trần Nhân Tông - Đạo và Đời

--- Quỳnh Cư ---

Nhà Trần đã tạc một dấu son vào tiến trình lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam. Một triều đại mà các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà đã hội tụ thật đầy đủ. Biết bao con người kiệt xuất đã hiện diện: ba vị vua đầu triều Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, các vị tướng tài như Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão... Tất cả họ đã làm nên chiến công hiển hách 3 lần đánh thắng quân Nguyên, tạo cho con dân Đại Việt cuộc sống hoan ca hạnh phúc. Không chỉ có võ công khiến giặc ngoại xâm phải chùn bước, triều Trần còn là một triều đại mà tư tưởng triết học Phật giáo đã phát triển rực rỡ, thể hiện đầy đủ trí tuệ và bản lĩnh của người Đại Việt.

Trần Nhân Tông (1258-1308) là vị vua tiêu biểu cho tất cả những gì tốt đẹp như thế. Ông là con thứ 2 của Trần Thánh Tông, lên ngôi vua vào năm Kỷ Mão (1279). Nói đến Trần Nhân Tông, trước tiên là nói đến một vị vua võ tướng, được sử sách ngợi ca là anh hùng cứu nước. Trong 2 cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược (1285 và 1288), ông đều thân ra trận, ngồi trên lưng ngựa dẫn dắt con dân trải qua những thử thách gian lao. Khi viết ra những dòng thơ bất hủ :

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu*

(Xã tắc hai lần mệt ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng)

Chắc rằng "hào khí Đông A" đang sôi trào trong huyết quản vị vua tài hoa, phóng khoáng.

Làm một bậc đế vương, công lao như thế tưởng cũng là quá đủ. Nhân Tông đã làm đúng, thậm chí làm hơn những giáo điều Nho học. Ngoài thì đánh giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi; trong thì vỗ về trăm họ, khiến nước thái bình. Nhưng Nhân Tông không dừng lại ở đó. Khi xã tắc đã qua hồi gian khó, Nhân Tông lại tìm đến với Thiền học, hệ tư tưởng đã là niềm đam mê của ông ngay từ thời trai trẻ.

Nói đến vấn đề này, cũng cần trở về với Trần Thái Tông, ông nội của Nhân Tông. Năm 1225, dưới sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, Thái Tông Trần Cảnh lấy Lý Chiêu Hoàng và được nữ vương nhường ngôi. Nhà Trần thay nhà Lý từ đó. 11 năm sau, do Chiêu Hoàng không có con, Thủ Độ lại ép Thái Tông lấy Thuận Thiên là vợ Trần Liễu (anh ruột Trần Cảnh), đã có mang 3 tháng. Tất cả những việc làm ấy, tuy đã có lợi cho xã tắc trước vỏ ngựa xâm lược nhà Nguyên, nhưng không thể không khiến cho Thái Tông phải suy ngẫm về nhân sinh, về cuộc sống. Với tâm tư tưởng đã phải qua nhiều phen vò xé, Thái Tông đã viết nên "Khoá hư lục" với những triết lý sâu sắc về cuộc đời, giữa hai chữ danh và lợi. Chắc rằng, Thái Tông đã dạy dỗ, luận bàn với các cháu nội mình rất nhiều về thể thái nhân tình và về Phật học.

Với những ảnh hưởng như thế, Thiền môn Phật học trở thành sự sùng bái của Nhân Tông không có gì là lạ. Sử sách kể rằng, năm 1279, là thái tử đương triều theo cha (Thánh Tông) về thăm Yên Tử, Nhân Tông đã xin ở lại để tu hành. Thánh Tông nổi giận mắng rằng: "Chí làm trai tựa chim hồng, chim học, sơn hà xã tắc đè nặng hai vai, đâu để học thái tử Tất Đạt Ma lên non xanh cắt tóc". Và khi trở về kinh, vua cha lập tức cử lễ truyền ngôi cho ông. Nhận trọng trách, Nhân Tông tạm gác chí riêng, "chấp nhận" trị vì trăm họ. Như thế, ngay từ đây, tư tưởng "sắc sắc không không" của đạo Phật đã thấm nhuần trong ông. Giống như ông nội của mình, Nhân Tông có thể "trút bỏ ngôi báu như trút đôi dép rách vậy". Nhưng không phải là ông coi thường ngôi báu, xem nhẹ trách nhiệm của người đứng đầu quốc gia dân tộc. Năm 1301, với tư cách là Thái thượng hoàng, nghe tin Anh Tông lơ là triều chính, ông đã truyền "vua con" đến ban quờ, thậm chí định truất ngôi. Nhờ triều thần can gián, ông đã tha tội nhưng răn rằng: "Đạo làm vua, hãy biết xem đất nước là của công chứ không phải của riêng mình. Hãy biết xem thiên hạ là nhà của chính mình". Có nghĩa là, cái mà Nhân Tông

coi thường chính là danh lợi. Ngôi báu cũng chỉ là thứ danh vọng hão huyền. Với ông, cái thật, cái cụ thể có thể nắm bắt là làm sao để cho trăm họ một cuộc sống thái bình thịnh trị. Cái chung đã hoà nhập với cái riêng, lợi ích của cả dân tộc đã vượt lên lợi ích của cá nhân, cho dù cá nhân ấy thân làm bậc quân vương đứng đầu xã tắc.

Năm 1298, Nhân Tông nhường ngôi cho con rồi tìm về Yên Tử đi tu, thực hiện chí nguyện thời trai trẻ. Ông trở thành thủy tổ của phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử đã để lại dấu ấn rực rỡ trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Sáng lập ra dòng Thiền Trúc Lâm, Nhân Tông sáng tác nhiều kệ, thơ thiền, ngữ lục mà mặt nào cũng có những chiêm nghiệm sâu sắc. Ví như khi Bảo Sái hỏi ông: "Như thế nào là Phật?", ông nói: "Như cám dưới cối"...

Thực tế cho thấy rằng, ngay từ thời Lý, đã có nhiều đạo giáo du nhập vào Việt Nam từ Trung Hoa và Ấn Độ. Nhưng chỉ đến khi Nhân Tông sáng lập ra phái Thiền Trúc Lâm, nước ta mới có một giáo phái thuần Việt, thống nhất, tránh được mọi sự phân biệt gây trở ngại giữa đạo và đời. Một cách thật triết học, Nhân Tông đã chắt lọc những tinh hoa của các đạo pháp ngoại lai, bổ sung vào đó cái chất giản dị mà sâu sắc của người Việt, hoàn toàn phục vụ cho lợi ích của chúng sinh, cũng chính là quốc gia - dân tộc. Cho đến cuối đời, dân gian vẫn cho rằng Nhân Tông đã hiển Phật. Tuy chỉ là huyền thoại nhưng cũng phần nào thấy được sự ngưỡng vọng của Phật tử cả nước, của trăm họ đối với ông, vị thiền sư - giáo chủ hoá Phật.

Tìm hiểu về Nhân Tông, ta thấy rằng giữa đạo và đời đã có sự thống nhất đến mức tối đa. Anh hùng cứu nước, thi sĩ, triết gia, thiền sư, giáo dục, tất cả những phẩm chất tốt đẹp ấy đã kết hợp hài hoà trong con người ông. Có thể nói, Trần Nhân Tông là một vị vua cổ kim ít thấy. Cùng với Trần Thái Tông, đó là những gương mặt văn hoá đẹp lạ thường trong lịch sử Việt Nam.